

Bản án số: **166/2024/HS-PT**
Ngày: 02/5/2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông **Nguyễn Chí Công**

Các Thẩm phán: ông **Phạm Việt Cường** và ông **Phạm Tồn**

- Thư ký phiên tòa: bà **Văn Thị Mỹ Thảo** – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: ông **Đoàn Minh Lộc** - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng mở phiên tòa xét xử công khai theo thủ tục phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 471/2023/TLPT-HS ngày 02 tháng 10 năm 2023 đối với bị cáo Lương Văn Q và các bị cáo khác bị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử về tội “Hủy hoại rừng”, do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 65/2023/HS-ST ngày 20 tháng 7 năm 2023.

- Bị cáo có kháng cáo:

1. Lương Văn Q, sinh ngày 08/8/1978, tại tỉnh Thanh Hóa; nơi cư trú: thôn A, xã Y, huyện E, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Công an viên xã Y, huyện E, tỉnh Đắk Lắk; trình độ văn hóa (học vấn): 09/12; dân tộc: Thái; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lương Văn T và bà Ngân Thị H (đều đã chết); có vợ là Đinh Thị C, sinh năm 1977 và 03 con; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 21/5/2022 đến ngày 17/3/2023, hiện đang tại ngoại; có mặt tại phiên tòa.

2. Lê Văn Ú, sinh ngày 01/5/1980, tại tỉnh Thanh Hóa; nơi cư trú: thôn A, xã Y, huyện E, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: làm nông; trình độ văn hóa (học vấn): 01/12; dân tộc: Thái; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn G và bà Lò Thị H1 (đều đã chết); có vợ là Lò Thị K, sinh năm 1982 và 03 con; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 21/5/2022 đến ngày 17/3/2023, hiện đang tại ngoại; có mặt tại phiên tòa.

3. Trương Văn S, sinh ngày 15/9/1977, tại tỉnh Thanh Hóa; nơi cư trú: thôn A, xã Y, huyện E, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: làm nông; trình độ văn hóa (học

vấn): không biết chữ; dân tộc: Thái; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trương Văn N (đã chết) và bà Lương Thị Ứ, sinh năm 1932; có vợ là Lương Thị V, sinh năm 1978 và 02 con; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 21/5/2022 đến ngày 17/3/2023, hiện đang tại ngoại; có mặt tại phiên tòa.

4. Lương Văn Q1, sinh ngày 09/01/1997, tại tỉnh Đắk Lắk; nơi cư trú: thôn A, xã Y, huyện E, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: làm nông; trình độ văn hóa (học vấn): 09/12; dân tộc: Thái; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lương Văn T1, sinh năm 1969 và bà Hà Thị P, sinh năm 1971; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 21/5/2022 đến ngày 17/3/2023, hiện đang tại ngoại; có mặt tại phiên tòa.

5. Hà Văn P1, sinh ngày 29/7/1983, tại tỉnh Thanh Hóa; nơi cư trú: thôn A, xã Y, huyện E, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: làm nông; trình độ văn hóa (học vấn): 02/12; dân tộc: Thái; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hà Xuân T2 (đã chết) và bà Hà Thị C1, sinh năm 1948; có vợ là Lê Thị T3, sinh năm 1983 và 02 con; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 21/5/2022 đến ngày 17/3/2023, hiện đang tại ngoại; có mặt tại phiên tòa.

6. Hà Văn Q2, sinh ngày 21/02/1967, tại tỉnh Thanh Hóa; nơi cư trú: thôn A, xã Y, huyện E, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: làm nông; trình độ văn hóa (học vấn): 07/12; dân tộc: Thái; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hà Văn B và bà Lò Thị H2 (đều đã chết); có vợ là Lương Thị G1, sinh năm 1966 và 02 con; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 21/5/2022 đến ngày 17/3/2023, hiện đang tại ngoại; có mặt tại phiên tòa.

7. Hà Phúc H3, sinh ngày 15/01/1978, tại tỉnh Thanh Hóa; nơi cư trú: thôn A, xã Y, huyện E, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: làm nông; trình độ văn hóa (học vấn): 05/12; dân tộc: Thái; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hà Văn N1 và bà Hà Thị T4 (đều đã chết); có vợ là Vi Thị X, sinh năm 1978 và 02 con; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 21/5/2022 đến ngày 17/3/2023, hiện đang tại ngoại; có mặt tại phiên tòa.

8. Lang Văn N2, sinh ngày 01/01/1975, tại tỉnh Thanh Hóa; nơi cư trú: thôn A, xã Y, huyện E, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: làm nông; trình độ văn hóa (học vấn): 03/12; dân tộc: Thái; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lang Đình N3, sinh năm 1942 và bà Lang Thị X1 (đã chết); có vợ là Lò Thị D, sinh năm 1975 và 02 con; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 21/5/2022 đến ngày 17/3/2023, hiện đang tại ngoại; có mặt tại phiên tòa.

9. Lương Văn B1, sinh ngày 17/8/1972, tại tỉnh Thanh Hóa; nơi cư trú: thôn A, xã Y, huyện E, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: làm nông; trình độ văn hóa (học vấn): 01/12; dân tộc: Thái; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lương Quốc S1 và bà Vi Thị H4 (đều đã chết); có vợ là Lương Thị K1, sinh năm 1977 và 02 con; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 21/5/2022 đến ngày 17/3/2023, hiện đang tại ngoại; có mặt tại phiên tòa.

10. Vi Hồng Đ, sinh ngày 30/5/1970, tại tỉnh Thanh Hóa; nơi cư trú: thôn A, xã Y, huyện E, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: làm nông; trình độ văn hóa (học vấn): 07/12; dân tộc: Thái; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vi Quyết C2 và bà Lương Thị L (đều đã chết); có vợ là Hà Thị T5, sinh năm 1970 và 02 con; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 21/5/2022 đến ngày 17/3/2023, hiện đang tại ngoại; có mặt tại phiên tòa.

11. Hà Văn V1, sinh ngày 08/01/1968, tại tỉnh Thanh Hóa; nơi cư trú: thôn A, xã Y, huyện E, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: làm nông; trình độ văn hóa (học vấn): 02/12; dân tộc: Thái; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hà Văn C3 (đã chết) và bà Vi Thị T6, sinh năm 1952 và có vợ là Lê Thị H5, sinh năm 1967 và 03 con; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 21/5/2022 đến ngày 17/3/2023, hiện đang tại ngoại; có mặt tại phiên tòa.

12. Lang Văn Đ1, sinh ngày 14/9/1982, tại tỉnh Thanh Hóa; nơi cư trú: thôn A, xã Y, huyện E, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: làm nông; trình độ văn hóa (học vấn): 05/12; dân tộc: Thái; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lang Thanh L1, sinh năm 1947 và bà Lang Thị L2, sinh năm 1950; có vợ là Lương Thị D1, sinh năm 1988 và 03 con; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 21/5/2022 đến ngày 17/3/2023, hiện đang tại ngoại; có mặt tại phiên tòa.

13. Hà Minh T7, sinh ngày 04/02/1979, tại tỉnh Thanh Hóa; nơi cư trú: thôn A, xã Y, huyện E, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: làm nông; trình độ văn hóa (học vấn): 05/12; dân tộc: Thái; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hà Văn H6 (đã chết) và bà Hà Thị E, sinh năm 1953; có vợ là Phạm Thị T8, sinh năm 1977 và 03 con; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 21/5/2022 đến ngày 17/3/2023, hiện đang tại ngoại; có mặt tại phiên tòa.

14. Lương Văn T9, sinh ngày 03/6/1996, tại tỉnh Thanh Hóa; nơi cư trú: thôn A, xã Y, huyện E, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: làm nông; trình độ văn hóa (học vấn): 09/12; dân tộc: Thái; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lương Văn T10, sinh năm 1967 và bà Hà Thị S2 (đã chết); tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 21/5/2022 đến ngày 17/3/2023, hiện đang tại ngoại; có mặt tại phiên tòa.

15. Vi Văn Đ2, sinh ngày 14/6/1989, tại tỉnh Thanh Hóa; nơi cư trú: thôn A, xã Y, huyện E, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: làm nông; trình độ văn hóa (học vấn): 07/12; dân tộc: Thái; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vi Văn P2, sinh năm 1967 và bà Lương Thị N4, sinh năm 1969; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 21/5/2022 đến ngày 17/10/2022, hiện đang tại ngoại; có mặt tại phiên tòa.

16. Lương Văn H7, sinh năm 1978, tại tỉnh Thanh Hóa; nơi cư trú: thôn A, xã Y, huyện E, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: làm nông; trình độ văn hóa (học vấn): 01/12; dân tộc: Thái; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lương Văn K2 (đã chết) và bà Vi Thị T11, sinh năm 1940; có vợ là Lò Thị H8, sinh năm 1979 và 02 con; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị bắt tạm giam

từ ngày 21/5/2022 đến ngày 17/10/2022, hiện đang tại ngoại; có mặt tại phiên tòa.

17. Hà Ngọc D2, sinh ngày 20/01/1991, tại tỉnh Thanh Hóa; nơi cư trú: thôn A, xã Y, huyện E, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: làm nông; trình độ văn hóa (học vấn): 09/12; dân tộc: Thái; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hà Ngọc S3, sinh năm 1971 và bà Hà Thị M, sinh năm 1971; có vợ là Y V2, sinh năm 1994 và 02 con; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 21/5/2022 đến ngày 17/10/2022, hiện đang tại ngoại; có mặt tại phiên tòa.

18. Vi Văn H9, sinh ngày 26/9/1992, tại tỉnh Thanh Hóa; nơi cư trú: thôn A, xã Y, huyện E, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: làm nông; trình độ văn hóa (học vấn): 08/12; dân tộc: Thái; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vi Văn M1, sinh năm 1963 và bà Lang Thị T12, sinh năm 1966; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 21/5/2022 đến ngày 17/10/2022, hiện đang tại ngoại; có mặt tại phiên tòa.

19. Đỗ Quang G2, sinh ngày 01/7/1990, tại tỉnh Thái Bình; nơi cư trú: thôn A, xã Y, huyện E, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: làm nông; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đỗ Quang H10, sinh năm 1961 và bà Nguyễn Thị V3, sinh năm 1964; có vợ là Lữ Thị T13, sinh năm 2003 và 02 con; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 21/5/2022 đến ngày 17/10/2022, hiện đang tại ngoại; có mặt tại phiên tòa.

** Người bào chữa cho bị cáo Lương Văn Q: Luật sư Nguyễn Văn Ú1 - Trung tâm T21; địa chỉ: Tổ A, phường N, thành phố G, tỉnh Đắk Nông; có mặt tại phiên tòa.*

** Người bào chữa cho bị cáo Lê Văn Ú: ông Nguyễn Hữu H11 - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Đ; có mặt tại phiên tòa.*

** Người bào chữa cho các bị cáo Hà Văn V1, Hà Minh T7: bà Phan Thị T14 - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Đ; có mặt tại phiên tòa.*

** Người bào chữa cho các bị cáo Vi Văn Đ2, Hà Ngọc D2: ông Trần Trung H12 - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Đ; có đơn xin xét xử vắng mặt và gửi luận cứ bào chữa cho các bị cáo.*

** Người bào chữa cho các bị cáo Vi Văn H9, Vi Hồng Đ3: bà Nguyễn Thị Bích N5 - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Đ; có mặt tại phiên tòa.*

** Người bào chữa cho các bị cáo Đỗ Quang G2, Lương Văn Q1, Lương Văn B1, Lương Văn T9: bà Nguyễn Thị Thu T15 - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Đ; có mặt tại phiên tòa.*

* *Người bào chữa cho các bị cáo* Trương Văn S, Lang Văn Đ1: ông Hoàng Văn C4 - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Đ; có mặt tại phiên tòa.

* *Người bào chữa cho các bị cáo* Hà Văn P1, Hà Văn Q2, Hà Phúc H3: ông Ngô Đình K3 - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Đ; có mặt tại phiên tòa.

* *Người bào chữa cho bị cáo* Lang Văn N2: ông Phùng Văn H13 - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Đ; có mặt tại phiên tòa.

Cùng địa chỉ tại: số C đường L, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

* *Nguyên đơn dân sự*: Ủy ban nhân dân xã Y, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. Người đại diện theo pháp luật: ông Đặng Công T16; chức vụ: Chủ tịch; vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do muốn có đất để canh tác nên trong khoảng tháng 3/2022, các bị cáo Vi Văn Đ2, Lương Văn H7, Hà Ngọc D2, Vi Văn H9, Đỗ Quang G2, Lang Văn K4, Vi Văn T17, Lang Q, Vi Văn Đ2, Hứa Văn L3, Lương Văn Q, Lê Văn Ú, Trương Văn S, Lương Văn Q1, Hà Văn P1, Hà Văn Q2, Hà Phúc H3, Lang Văn N2, Lương Văn B1, Lang Văn P3, Vi Hồng Đ3, Hà Văn V1, Lang Văn Đ1, Lê Văn D3, Vi Văn V4, Hà Minh T7, Trương Văn T18, Lương Văn T9 và Lang Văn Y đã có hành vi sử dụng cưa xẻng và dao hủy hoại rừng sản xuất, loại rừng tự nhiên thuộc tiểu khu B đang do UBND xã Y, huyện E, tỉnh Đắk Lắk quản lý, với diện tích cụ thể như sau:

* Nhóm thứ nhất gồm: Lương Văn Q, Lang Văn Y, Lê Văn Ú, Lang Văn Đ1, Lang Văn P3, Hà Phúc H3, Lương Văn B1, Lương Văn T9, Lương Văn Q1, Trương Văn T18, Vi Hồng Đ3, Trương Văn S, Vi Văn V4, Lê Văn D3, Lang Văn N2, Hà Văn Q2, Hà Văn P1, Hà Minh T7 và Hà Văn V1.

Vào tháng 3/2022, Lương Văn Q, Lang Văn Y là các hộ dân thuộc nhóm hộ của bà Vi Thị M2 (trước đây nhóm hộ Vi Thị M2 được Nhà nước giao khoán quản lý, bảo vệ rừng tại Tiểu khu B, xã Y Mốt; đến năm 2019, UBND huyện E đã thu hồi đất, rừng giao cho UBND xã Y Mốt quản lý, các hộ dân chưa được bồi thường nên chưa trả lại đất) đi thăm đất rừng của nhóm hộ thì biết được khu vực này đang bị nhiều đối tượng cưa hạ cây rừng để chiếm đất. Thấy vậy, Q, Y đã rủ các hộ trong nhóm hộ gồm: Lê Văn Ú, Lang Văn Đ1, Lang Văn P3, Hà Phúc H3, Lương Văn B1, Lương Văn T9, Lương Văn Q1, Trương Văn T18, Vi Hồng Đ3, Trương Văn S, Vi Văn V4, Lê Văn D3, Lang Văn N2, Hà Văn Q2, Hà Văn P1, Hà Minh T7 và Hà Văn V1 cùng đi cưa hạ cây rừng để chiếm đất mà trước đây được giao quản lý. Q nói: “Ai có cưa xẻng thì mang cưa, ai có dao

thì mang dao; người không có cưa thì đi theo người có cưa để thay nhau cưa hạ cây rừng, người không biết sử dụng cưa thì phụ cầm can xăng, can nhót, nước uống đi theo người cầm cưa, người có sức khỏe yếu thì làm nhiệm vụ nấu ăn, canh giới đề phòng lực lượng chức năng kiểm tra” và hẹn gặp nhau tại khu vực Suối tre, gần khu N mộ, Tiểu khu B, xã Y Mốt. Sau đó cả 19 người cùng mang theo công cụ, phương tiện đi vào Tiểu khu B để cưa hạ cây rừng, trong đó: Lương Văn Q điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Blade, màu đen, biển kiểm soát 47P1-255.63, mang theo 01 con dao; Lê Văn Ú mang theo 01 cưa xăng, 01 con dao; Trương Văn S điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave RSX, màu đen trắng, biển kiểm soát 47P1-237.68, mang theo 01 cưa xăng; Lương Văn Q1 mang theo 01 can nhựa; Hà Văn P1 điều khiển xe mô tô nhãn hiệu JIU LONG, màu nâu, biển kiểm soát 47H9-2489, mang theo 01 cưa xăng, 01 can nhựa; Hà Văn Q2 điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, màu đỏ đen, biển kiểm soát 47P1-084.18, mang theo 01 con dao, 01 đèn pin đội đầu; Lang Văn N2 điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Angel, màu ghi, biển kiểm soát 47K8-9040, mang theo 01 đèn pin đội đầu, 01 cái vông; Lương Văn B1 điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, màu trắng xanh, biển kiểm soát 47P1-188.80, mang theo 01 cưa xăng, 01 con dao; Lang Văn P3 điều khiển xe mô tô nhãn hiệu WAND, màu nâu, biển kiểm soát 47P1-6692, mang theo 01 đèn pin đội đầu; Vi Hồng Đ3 điều khiển xe gắn máy nhãn hiệu Vietthai Sirius PC, màu xanh đen, biển kiểm soát 47AB-968.21, mang theo 01 con dao, 01 đèn pin đội đầu, 01 nồi gang, 01 cái chén; Hà Văn V1 điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, màu đen, biển kiểm soát 47P1-268.81, mang theo 01 cưa xăng; Lang Văn Đ1 mang theo 01 con dao, 01 đèn pin đội đầu; Hà Minh T7 điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Blade, màu đỏ đen, biển kiểm soát 47P1-261.94, mang theo 01 can nhựa; Lang Văn Y điều khiển xe gắn máy nhãn hiệu HDYA Sirus RC, màu đen đỏ, biển kiểm soát 47AB-968.59; Lê Văn D3 điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, màu đen, biển kiểm soát 47P1-305.36; Vi Văn V4 điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave A, màu xanh đen bạc, biển kiểm soát 47P1-225.21; Lương Văn T9 điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda JC43, màu đỏ bạc đen, biển kiểm soát 47N2-5709; Hà Phúc H3 điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave A, màu xanh đen bạc, biển kiểm soát 47P1-187.35. Đến khoảng 18 giờ một ngày trong tháng 3/2022 (không nhớ rõ thời gian cụ thể), cả nhóm đi vào khu vực Ngầm mộ thuộc Tiểu khu B, xã Y Mốt rồi tập trung nấu ăn, uống rượu. Đến khoảng 21 giờ cùng ngày, cả nhóm tự phân chia nhiệm vụ cho nhau rồi bắt đầu đi cưa hạ cây rừng đến khoảng 02 giờ sáng ngày hôm sau thì nghỉ. Khoảng 21 giờ cùng ngày thì lại bắt đầu cưa hạ cây rừng tại khu vực rừng ngày hôm trước đã cưa hạ, đến khoảng 22 giờ cùng ngày thì trời mưa to nên cả nhóm không cưa nữa rồi cùng nhau đi về. Đến khoảng 18 giờ ngày tiếp theo, cả nhóm cùng với Vi Văn H14, Hà Văn H15 đi vào khu vực Ngầm mộ để cưa hạ cây rừng; trong lúc ngồi uống rượu với nhau thì xảy ra mâu thuẫn cãi nhau nên H14 và H15 đi về trước, sau đó cả nhóm cũng đi về, không cưa hạ cây rừng nữa.

Quá trình cưa hạ cây rừng, cả nhóm thống nhất cùng nhau tiến hành cưa hạ tất cả các cây rừng đang còn trên đất (cắt trắng) người không có cưa thì đi theo

người có cưa để thay nhau cưa hạ cây rừng, người không biết sử dụng cưa thì phụ cầm can xăng, can nhót, nước uống đi theo người cầm cưa, người có sức khỏe yếu thì làm nhiệm vụ nấu ăn, cảnh giới đề phòng lực lượng chức năng kiểm tra phát hiện. Trong đó: Trương Văn S, Lương Văn Q1, Hà Văn P1, Hà Phúc H3, Lương Văn B1, Lang Văn Đ1, Hà Minh T7 thay nhau sử dụng cưa xăng để cưa hạ các cây lớn; Lương Văn Q, Lê Văn Ú, Hà Văn Q2 sử dụng dao để chặt hạ các cây nhỏ; Lang Văn P3, Trương Văn T18, Lương Văn T9 mang theo can xăng, can nhót, nước uống để phục vụ việc cưa hạ cây rừng; Lang Văn N2, Vi Hồng Đ3, Hà Văn V1, Vi Văn V4, Lang Văn Y làm nhiệm vụ cảnh giới; Lê Văn D3 làm nhiệm vụ nấu ăn.

Tại Biên bản khám nghiệm hiện trường ngày 12/4/2022 (có sự tham gia của Lương Văn Q đã trực tiếp chỉ dẫn ranh giới), đã xác định khu vực mà nhóm của Lương Văn Q cưa phá cây rừng là tại K tiểu khu B, xã Y, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

Ngày 10/5/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã tiến hành lập biên bản xác định hiện trường có sự tham gia của Lương Văn Q, Lang Văn Y, Lê Văn Ú, Lang Văn Đ1, Lang Văn P3, Hà Phúc H3, Lương Văn B1, Lương Văn T9, Lương Văn Q1, Trương Văn T18, Trương Văn S, Vi Văn V4, Lê Văn D3, Lang Văn N2, Hà Văn Q2, Hà Văn P1, Hà Minh T7. Các bị cáo đã trực tiếp chỉ dẫn ranh giới, khu vực mà cả nhóm đã cưa phá cây rừng phù hợp với vị trí, diện tích theo kết quả khám nghiệm hiện trường.

Bản Kết luận giám định ngày 05/5/2022 của Giám định viên thuộc lĩnh vực đo đạc, bản đồ - Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đ và Giám định viên thuộc lĩnh vực Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Chi cục Kiểm lâm tỉnh Đ kết luận: diện tích rừng bị hủy hoại là 52.622m^2 (năm mươi hai nghìn sáu trăm hai mươi hai mét vuông); thuộc các Lô 44a, 53, 45, 34, 51, 46, 43a, 44, 52, 65, 46a, 76, 43, K, Tiểu khu B xã Y, huyện E; tổng số lượng 505 gốc cây và 212 lóng gỗ tròn; tổng trữ lượng thiệt hại $16,096\text{m}^3/5,262$ hecta; tổng khối lượng thiệt hại $7,621\text{m}^3/212$ lóng gỗ tròn; chủng loại gồm: C, C, D4, N6, C, B, Thầu Tầu thuộc các Nhóm gỗ: Nhóm I, III, V, VI, VII, VIII; căn cứ vào các tiêu chí trên, xác định diện tích trên đủ tiêu chí là R; loại rừng: Rừng gỗ tự nhiên núi đất lá rộng rụng lá chưa có trữ lượng; mục đích sử dụng là Rừng sản xuất; Chủ quản lý là UBND xã Y, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

Tại Kết luận định giá tài sản số 3001 ngày 30/9/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự tỉnh Đắk Lắk kết luận: Diện tích rừng $52.622\text{m}^2=5,262$ ha tại thời điểm định giá tháng 4/2022 có giá trị 19.740.000 đồng.

* Nhóm thứ hai gồm: Lang Văn K4, L4 và Vi Văn T17:

Vào khoảng 08 giờ một ngày giữa tháng 3/2022, L4 đến nhà Lang Văn K4 chơi, tại đây K4 rủ Phòng vào khu vực rừng tại tiểu khu B, xã Y, huyện E cưa hạ cây rừng để lấy đất canh tác thì P4 đồng ý. Khoảng 15 giờ cùng ngày, K4 điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave A, màu xanh bạc đen, biển kiểm soát

47P1-300.75 và Phòng điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Sirius, màu xanh xám, biển kiểm soát 47P1-293.10 mang theo cưa xăng, đèn pin đội đầu, can nhựa đựng xăng, nhót và vông, màn đi vào Tiểu khu B. Đến khoảng 17 giờ cùng ngày thì đến lán của bố K4 ở trong tiểu khu B. K4 và P4 để xe máy tại lán rồi mang theo cưa, xăng, nhót, đèn pin đội đầu, đi bộ theo đường mòn. Khi đi tới lán của Vi Văn T17 tại Tiểu khu B thì K4 và P4 gặp T17 đang ở trong lán, K4 rủ T17 đi cưa hạ cây rừng để lấy đất canh tác thì T17 đồng ý và mang theo cưa xăng, đèn pin đội đầu để cùng K4 và Phòng cưa hạ cây rừng. Cả ba đi tiếp một đoạn thì đến khu vực rừng chưa bị cưa hạ, lúc này K4, P4 và T17, mỗi người sử dụng 01 cưa xăng đi dàn hàng ngang với nhau cưa hạ toàn bộ cây rừng. Khi cưa hạ cây rừng được khoảng 30 phút thì cưa xăng của K4 bị hư nên K4 mang can xăng, can nhót đi theo để khi nào Phòng hoặc T17 mệt thì K4 sẽ thay người đó cầm cưa tiếp tục cưa hạ cây rừng. Đến khoảng 19 giờ cùng ngày thì cả ba người đi về nghỉ. Khoảng 17 giờ ngày hôm sau K4, P4 và T17 tiếp tục đến khu vực rừng ngày hôm trước rồi sử dụng cưa xăng cưa hạ cây rừng đến khoảng 19 giờ cùng ngày thì nghỉ.

Tại Biên bản khám nghiệm hiện trường ngày 13/4/2022 (có sự tham gia của Lang Văn K4), đã xác định vị trí rừng các bị cáo cắt hạ tại khoảnh 2, tiểu khu B, xã Y, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. Ngày 10/5/2022, Lang Văn K4, L4 và Vi Văn T17 đã tiến hành chỉ dẫn Cơ quan Cảnh sát điều tra đến tại hiện trường các bị cáo cắt hạ cây rừng và xác định ranh giới, khu vực mà nhóm của K4 đã cưa phá cây rừng, phù hợp với kết quả khám nghiệm hiện trường.

Kết luận giám định ngày 29/4/2022 của Giám định viên thuộc lĩnh vực đo đạc, bản đồ - Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đ và Giám định viên thuộc lĩnh vực Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Chi cục Kiểm lâm tỉnh Đ kết luận: diện tích rừng bị hủy hoại là 12.448,96m² (mười hai nghìn bốn trăm bốn mươi tám phẩy chín mươi sáu mét vuông); thuộc các Lô 66a69, 66aa, 66b, 70b, 66ba, 58a23a, 66a, 69aa, 65 khoảnh 2, tiểu khu B, xã Y, huyện E; tổng số lượng cây và gốc cây bị cắt hạ là 145 cây và 90 lóng gỗ tròn; tổng trữ lượng thiệt hại là 6,841 m³/1,244 ha; tổng khối lượng thiệt hại là 4,087m³/90 lóng; chủng loại gồm: C, B, B, C, C, D4, N6, C, G3, G4, Bò K5, B2, M, X2, Thầu T19 thuộc các Nhóm gỗ I, IIA, III, V, VI, VII, VIII; căn cứ vào các tiêu chí trên, xác định diện tích trên đủ tiêu chí là R; loại rừng: Rừng gỗ tự nhiên núi đất lá rộng rụng lá chưa có trữ lượng; mục đích sử dụng là Rừng sản xuất; Chủ quản lý là UBND xã Y, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

Tại Kết luận định giá tài sản số 3001 ngày 30/9/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự tỉnh Đắk Lắk kết luận: Diện tích rừng 12.448,96m² = 1,244ha tại thời điểm định giá tháng 4/2022 có giá trị là 7.465.000 đồng.

* Nhóm thứ ba gồm: Vi Văn Đ2, Lương Văn H7 và Hà Ngọc D2:

Vào một ngày trong tháng 3/2022 (không nhớ rõ thời gian cụ thể), Vi Văn Đ2 điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, màu đen đỏ, biển kiểm soát 47P1-019.59 mang theo cưa xăng, các can nhựa đựng xăng, nhót đi đến tiểu khu

B, xã Y, huyện E để cưa hạ cây rừng lấy đất trồng trọt (khu vực đất trước đây cha của Đ2 là Vi Văn P2 được Nhà nước giao khoán quản lý, bảo vệ rừng khoảng 7,5 ha thuộc nhóm hộ của ông Lang Thanh B3; đến năm 2019, UBND huyện E đã thu hồi đất, rừng giao cho UBND xã Y Một quản lý). Khoảng 12 giờ cũng ngày, Đ2 đi đến lán của Lương Văn H7 ở tiểu khu B, xã Y, huyện E thì gặp Lương Văn H7 và Hà Ngọc D2. Tại đây, Đ2 rủ D2 và H7 đi cưa hạ cây rừng tại tiểu khu B, xã Y Một để lấy đất canh tác, thì cả hai đồng ý. Đ2 thoả thuận sẽ chia cho D2 03 ha, Đ2 lấy 4,5ha, còn H7 tham gia cưa hạ cây rừng để trả công cho Đ2 do trước đây Đ2 có làm công dọn bờ hồ cho H7. Khoảng 16 giờ hai ngày sau, Đ2 điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 47P1-019.59, còn D2 điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Wayxin, màu nâu, biển kiểm soát 47N2-0967 đi đến lán của H7. Sau đó, Đ2, D2 và H7 mang theo cưa xăng, đèn pin đội đầu, xăng, nhót đi bộ đến vị trí đất rừng trong tiểu khu B, cách lán của H7 800m để cưa hạ cây rừng. Đến nơi thì H7 cưa hạ cây rừng dọc đường biên để làm ranh giới, còn Đ2, D2 cưa hạ cây rừng phía trong bên cạnh H7; cả ba người dàn hàng ngang đi với nhau, cưa hạ toàn bộ cây rừng, đến khoảng 17 giờ 30 phút cùng ngày thì nghỉ. Ngày hôm sau, Đ2, D2 và H7, mỗi người tiếp tục sử dụng 01 cưa xăng để cưa hạ cây rừng dọc theo đường biên mà ngày hôm trước chưa cưa xong từ khoảng 15 giờ đến 17 giờ cùng ngày thì nghỉ. Ngày tiếp theo, Đ2, D2 và H7, mỗi người tiếp tục sử dụng 01 cưa xăng để cưa hạ cây rừng còn lại từ khoảng 16 giờ đến 17 giờ 20 phút cùng ngày thì nghỉ. Trên đường về phát hiện còn sót một số cây chưa cắt hạ nên Đ2 và D2 tiếp tục quay lại cưa hạ những cây còn sót lại.

Tại Biên bản khám nghiệm hiện trường ngày 12/4/2022 (có sự tham gia của Vi Văn Đ2, Hà Ngọc D2, Lương Văn H7), đã xác định vị trí mà nhóm của Đ2, D2 và H7 đã trực tiếp cưa hạ cây rừng là tại khoảnh 2 và 4 tiểu khu B, xã Y, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

Bản Kết luận giám định ngày 12/5/2022 của Giám định viên thuộc lĩnh vực đo đạc, bản đồ - Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đ và Giám định viên thuộc lĩnh vực Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Chi cục Kiểm lâm tỉnh Đ kết luận:

- *Vị trí 1*: Diện tích rừng bị hủy hoại 18.924 m² (mười tám nghìn chín trăm hai mươi bốn mét vuông); thuộc các Lô 85b1, 88, Khoảnh 2 và các Lô 6, 23, Khoảnh 4, Tiểu khu B xã Y, huyện E; Tổng số lượng cây và gốc cây bị cắt hạ là 365 gốc cây và 132 lóng gỗ tròn; tổng trữ lượng thiệt hại 17,013 m³/365 cây; tổng khối lượng thiệt hại 4,009 m³/132 lóng gỗ tròn; chủng loại gồm: C, C, C, M, N6, Thầu T19, B, C, D4 thuộc các Nhóm gỗ: Nhóm I, III, V, VI, VII, VIII; căn cứ vào các tiêu chí trên, xác định đủ tiêu chí là R; loại rừng: Rừng gỗ tự nhiên núi đất lá rộng rụng lá chưa có trữ lượng; mục đích sử dụng là Rừng sản xuất; Chủ quản lý là UBND xã Y, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

Tại Kết luận định giá tài sản số 3001 ngày 30/9/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự tỉnh Đắk Lắk kết luận: Diện tích rừng 18.924 m² = 1,892ha tại thời điểm định giá tháng 4/2022 có giá trị là 18.565.000 đồng.

- *Vị trí 2*: Diện tích bị hủy hoại: 64.746,5 m²; thuộc các Lô 74a, 75, 76, 81, 81a, 85, 85a80, 85b1, 88, Khoảnh 2 và các Lô 6, 7, 23, K, Tiểu khu B; tổng số lượng cây và gốc cây 306 cây và 168 lóng gỗ tròn; tổng khối lượng thiệt hại 4,217 m³/168 lóng gỗ tròn; tổng trữ lượng thiệt hại 10,149 m³/306 cây; chủng loại: C, C, C, M, N6, Thầu T19, B, C, D4 thuộc các Nhóm gỗ: Nhóm I, III, VI, VII, VII; căn cứ vào các tiêu chí trên, xác định diện tích trên không đủ tiêu chí là Rừng, là đất trống có cây gỗ tái sinh; mục đích sử dụng là Rừng sản xuất; Chủ quản lý là UBND xã Y, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

Tại Kết luận định giá tài sản số 3001 ngày 30/9/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự tỉnh Đắk Lắk kết luận: Diện tích rừng 6,475 ha có tổng trữ lượng 10,149m³ là đất trống cây gỗ tái sinh, không đủ tiêu chí là rừng. Hội đồng định giá từ chối định giá vì không đủ tiêu chí là rừng.

* Nhóm thứ tư gồm: Vi Văn H9, Đỗ Quang G2 và Hứa Văn L3:

Vào một ngày giữa tháng 3/2022 (không nhớ rõ thời gian cụ thể), Vi Văn H9 và Đỗ Quang G2 đi vào khu vực đất thuộc Tiểu khu B, xã Y Một (khu vực trước đây cha của H9 là Vi Văn M1 được Nhà nước giao khoán quản lý, bảo vệ rừng thuộc nhóm hộ của ông Vi Viết H16; đến năm 2019, UBND huyện E đã thu hồi đất, rừng giao cho UBND xã Y Một quản lý). Vị trí khu đất giáp hồ nên H9 và G2 đã làm lán để giữ đất, lấy đất canh tác. Khoảng 02 ngày sau khi làm lán xong, H9 nói G2 lấy phần đất của hộ Lang Đình C5 (là bác của H9 nhưng đã chết), trước đây cũng được Nhà nước giao khoán quản lý tại Tiểu khu B, xã Y thì G2 đồng ý. Ngày 19/3/2022, H9 mang theo cưa xăng, đèn pin đội đầu, 01 con dao rồi điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Exciter, màu xanh trắng, biển kiểm soát 59H1-235.24 chở G2 đi vào khu đất định chiếm giữ, đến khoảng 17 giờ thì đến nơi, G2 thấy cây rừng xung quanh bị cưa hạ nhiều nên nói H9 cưa hạ cây rừng làm ranh giới để người khác không vào chiếm đất thì H9 đồng ý. H9 và G2 thay nhau sử dụng cưa xăng cưa hạ cây rừng theo đường thẳng để làm ranh giới. Khi sử dụng hết 01 bình xăng thì H9, G2 đi về lán của H9 để ngủ. Đến khoảng 05 giờ sáng ngày hôm sau, H9 tiếp tục sử dụng cưa xăng cưa hạ cây rừng theo đường thẳng để làm ranh giới còn G2 đi canh giới đề phòng lực lượng chức năng kiểm tra, phát hiện. H9 sử dụng hết 01 bình xăng thì cả hai đi về. Mấy ngày sau, G2 sử dụng điện thoại di động nhãn hiệu ITEL, màu đen, gắn sim thuê bao số 0902586262 gọi vào sim thuê bao số 0987469040 gắn trên điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A52S 5G, màu tím của Vi Văn H9 nói với H9 người ta cưa hạ cây nhiều quá nên vào cưa hết cây để người ta khỏi chiếm đất thì H9 đồng ý. Ngày 22/3/2022, G2 tiếp tục gọi điện thoại nói H9 vào cưa hạ cây rừng, đến khoảng 15 giờ cùng ngày thì H9 sử dụng xe mô tô biển kiểm soát 59H1-235.24 mang theo cưa xăng đến chòi rẫy của G2 thì thấy G2 và Hứa Văn L3. Tại đây G2 thỏa thuận thuê L3 đi cưa hạ cây rừng với giá 500.000 đồng/đêm thì L3 đồng ý. Đến khoảng 17 giờ cùng ngày, H9 mang theo cưa xăng cùng G2, Lưu đi vào Tiểu khu B để cưa hạ cây rừng nhưng khi đến nơi thì G2 bị mệt không tham gia được nên cả ba đi về. Đến khoảng 14 giờ ngày 25/3/2022, G2 gọi L3 đi vào cưa hạ cây rừng giúp thì L3 đồng ý. H9 mang theo các can nhựa

đựng xăng, nhốt rồi điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 59H1-235.24 chở G2, còn L3 điều khiển xe gắn máy biển kiểm soát 47AB-965.16 tiếp tục đi vào Tiểu khu B để cưa hạ cây rừng, khi đến nơi thì cả ba người tập trung nấu ăn, nghỉ ngơi đến khoảng 22 giờ cùng ngày thì bắt đầu đi cưa hạ cây rừng. Trong đó, G2 đi cảnh giới, H9 cầm cưa xăng đi trước cưa hạ cây rừng, còn L3 mang can xăng, can nhốt đi theo H9; khi H9 mệt thì L3 thay H9 cầm cưa xăng tiếp tục cưa hạ cây rừng. H9 và L3 thay nhau cầm cưa xăng cưa hạ toàn bộ cây rừng đến khoảng 04 giờ sáng ngày hôm sau thì nghỉ.

Tại Biên bản khám nghiệm hiện trường ngày 12/4/2022 (có sự tham gia của và trực tiếp chỉ dẫn vị trí, ranh giới của Vi Văn H9, Đỗ Quang G2 và Hứa Văn L3), đã xác định khu vực mà nhóm của G2, H9, L3 đã cưa phá cây rừng là tại khoảnh 1 tiểu khu B, xã Y, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

Tại Biên bản kiểm tra hiện trường ngày 24/3/2023 tại K, tiểu khu B, xã Y, huyện E, tỉnh Đắk Lắk đã xác định được: Diện tích rừng Vi Văn H9 và Đỗ Quang G2 đã cùng cưa hạ vào 02 ngày đầu là 8.499m^2 ; diện tích rừng mà Vi Văn H9, Đỗ Quang G2 và Hứa Văn L3 cùng nhau cưa hạ trong 01 ngày sau là $33.308,5\text{m}^2$.

Bản Kết luận giám định ngày 16/5/2022 của Giám định viên thuộc lĩnh vực đo đạc, bản đồ - Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đ và Giám định viên thuộc lĩnh vực Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Chi cục Kiểm lâm tỉnh Đ kết luận: Diện tích rừng bị hủy hoại $41.807,5\text{m}^2$ (bốn mươi một nghìn tám trăm linh bảy phẩy năm mét vuông); vị trí: thuộc các Lô 16, 17, 28, 29, 29a6, 44, 45, 45a, 45a16, 46, 53, 54a, 55a, 55b, K, Tiểu khu B xã Y, huyện E; tổng số lượng cây và gốc cây bị cắt hạ là 536 cây và 243 lóng gỗ tròn; tổng trữ lượng thiệt hại $24,543\text{m}^3$; tổng khối lượng thiệt hại $6,035\text{m}^3/243$ lóng gỗ tròn; chủng loại gồm: C, Giáng H17, C, B, D4, T20, C, G5, N6, Thầu T19, B2, M, G3 thuộc các Nhóm gỗ: Nhóm I, IIa, III, V, VI, VII, VIII; căn cứ vào các tiêu chí trên, xác định diện tích trên đủ tiêu chí là R; loại rừng: Rừng gỗ tự nhiên núi đất lá rộng rụng lá chưa có trữ lượng; mục đích sử dụng là Rừng sản xuất; Chủ quản lý là UBND xã Y, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

Tại Kết luận định giá tài sản số 3001 ngày 30/9/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự tỉnh Đắk Lắk kết luận: Diện tích rừng $41.807,5\text{m}^2 = 4,180\text{ha}$ tại thời điểm định giá tháng 4/2022 có giá trị là 26.781.000 đồng.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 65/2023/HS-ST ngày 20/7/2023, Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk quyết định:

1. Tuyên bố các bị cáo: Lương Văn Q, Lê Văn Ú, Trương Văn S, Lương Văn Q1, Hà Văn P1, Hà Văn Q2, Hà Phúc H3, Lang Văn N2, Lương Văn B1, Vi Hồng Đ3, Hà Văn V1, Lang Văn Đ1, Hà Minh T7, Lương Văn T9, Vi Văn Đ2, Lương Văn H7, Hà Ngọc D2, Vi Văn H9, Đỗ Quang G2 phạm tội “Hủy hoại rừng”.

2. Về hình phạt:

- Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 243; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

+ Xử phạt bị cáo Lương Văn Q 06 năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được khấu trừ thời hạn tạm giam từ ngày 21/5/2022 đến ngày 17/3/2023.

+ Xử phạt bị cáo Trương Văn S 05 năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được khấu trừ thời hạn tạm giam từ ngày 21/5/2022 đến ngày 17/3/2023.

+ Xử phạt bị cáo Lang Văn Đ1 05 năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được khấu trừ thời hạn tạm giam từ ngày 21/5/2022 đến ngày 17/3/2023.

+ Xử phạt bị cáo Hà Phúc H3 05 năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được khấu trừ thời hạn tạm giam từ ngày 21/5/2022 đến ngày 17/3/2023.

+ Xử phạt bị cáo Lương Văn B1 04 năm 06 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được khấu trừ thời hạn tạm giam từ ngày 21/5/2022 đến ngày 17/3/2023.

+ Xử phạt bị cáo Hà Văn P1 04 năm 06 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được khấu trừ thời hạn tạm giam từ ngày 21/5/2022 đến ngày 17/3/2023.

+ Xử phạt bị cáo Lương Văn Q1 04 năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được khấu trừ thời hạn tạm giam từ ngày 21/5/2022 đến ngày 17/3/2023.

+ Xử phạt bị cáo Hà Minh T7 04 năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được khấu trừ thời hạn tạm giam từ ngày 21/5/2022 đến ngày 17/3/2023.

+ Xử phạt bị cáo Hà Văn Q2 04 năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được khấu trừ thời hạn tạm giam từ ngày 21/5/2022 đến ngày 17/3/2023.

+ Xử phạt bị cáo Lê Văn Ú2 năm 06 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được khấu trừ thời hạn tạm giam từ ngày 21/5/2022 đến ngày 17/3/2023.

+ Xử phạt bị cáo Hà Văn V1 03 năm 03 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được khấu trừ thời hạn tạm giam từ ngày 21/5/2022 đến ngày 17/3/2023.

+ Xử phạt bị cáo Vi Hồng Đ3 03 năm 03 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được khấu trừ thời hạn tạm giam từ ngày 21/5/2022 đến ngày 17/3/2023.

+ Xử phạt bị cáo Lang Văn N2 03 năm 03 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được khấu trừ thời hạn tạm giam từ ngày 21/5/2022 đến ngày 17/3/2023.

+ Xử phạt bị cáo Lương Văn T9 03 năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được khấu trừ thời hạn tạm giam từ ngày 21/5/2022 đến ngày 17/3/2023.

- *Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 243; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015.*

+ Xử phạt bị cáo Đỗ Quang G2 03 năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được khấu trừ thời hạn tạm giam từ ngày 21/5/2022 đến ngày 17/10/2022.

- *Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 243; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015.*

+ Xử phạt bị cáo Vi Văn H18 năm 06 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được khấu trừ thời hạn tạm giam từ ngày 21/5/2022 đến ngày 17/10/2022.

- *Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 243; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015.*

+ Xử phạt bị cáo Vi Văn Đ2 02 năm 06 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được khấu trừ thời hạn tạm giam từ ngày 21/5/2022 đến ngày 17/10/2022.

+ Xử phạt bị cáo Hà Ngọc D2 02 năm 03 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được khấu trừ thời hạn tạm giam từ ngày 21/5/2022 đến ngày 17/10/2022.

+ Xử phạt bị cáo Lương Văn H7 02 năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được khấu trừ thời hạn tạm giam từ ngày 21/5/2022 đến ngày 17/10/2022.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về phân trách nhiệm hình sự đối với 09 bị cáo khác, trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm:

- Ngày 21/7/2023, Đỗ Quang G2 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo.

- Ngày 25/7/2023, Vi Văn H9, Hà Minh T7, Hà Văn P1, Hà Phúc H3, Hà Văn Q2 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo.

- Ngày 26/7/2023, Lương Văn Q kháng cáo xin giảm hình phạt.

- Ngày 26/7/2023, Vi Văn Đ2, Hà Ngọc D2 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo.

- Ngày 31/7/2023, Lương Văn Q1, Lương Văn T9, Lương Văn B1 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo.

- Ngày 01/8/2023, Lang Văn Đ1, Trương Văn S, Vi Hồng Đ3, Hà Văn V1, Lê Văn Ú, Lang Văn N2, Lương Văn H7 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Kiểm sát viên của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử phát biểu quan điểm đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo xin giảm hình phạt của bị cáo Lương Văn Q, kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo của 18 bị cáo khác, giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm 65/2023/HS-ST ngày 20/7/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk về phần hình phạt đối với các bị cáo.

Những người bào chữa cho các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét nguyên nhân, hoàn cảnh phạm tội và áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để giảm hình phạt và cho các bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 21/7/2023, Đỗ Quang G2 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo; ngày 25/7/2023, Vi Văn H9, Hà Minh T7, Hà Văn P1, Hà Phúc H3, Hà Văn Q2 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo; ngày 26/7/2023, Lương Văn Q kháng cáo xin giảm hình phạt; ngày 26/7/2023, Vi Văn Đ2, Hà Ngọc D2 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo; ngày 31/7/2023, Lương Văn Q1, Lương Văn B1, Lương Văn T9 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo; ngày 01/8/2023, Lang Văn Đ1, Trương Văn S, Vi Hồng Đ3, Hà Văn V1, Lê Văn Ú, Lang Văn N2, Lương Văn H7 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo. Đơn kháng cáo của các bị cáo là trong thời hạn quy định tại khoản 3 Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2]. Xét nội dung kháng cáo:

[2.1]. Về tội danh và điều khoản luật áp dụng:

Do muốn có đất để canh tác nên trong khoảng tháng 3/2022, các bị cáo Lương Văn Q, Vi Văn Đ2, Lương Văn H7, Hà Ngọc D2, Vi Văn H9, Đỗ Quang G2, Lê Văn Ú, Trương Văn S, Lương Văn Q1, Hà Văn P1, Hà Văn Q2, Hà Phúc H3, Lang Văn N2, Lương Văn B1, Vi Hồng Đ3, Hà Văn V1, Lang Văn Đ1, Hà Minh T7, Lương Văn T9 đã có hành vi đi vào Tiểu khu B là rừng sản xuất, loại

rừng tự nhiên đang do UBND xã Y, huyện E quản lý, dùng cưa xăng và dao hủy hoại rừng, với diện tích cụ thể từng nhóm như sau:

- Các bị cáo Vi Văn Đ2, Hà Ngọc D2 và Lương Văn H7 tham gia thực hiện hành vi hủy hoại rừng với diện tích **18.924 m²**; thuộc các Lô 85b1, 88, Khoảnh 2 và các lô 6, 23, Khoảnh 4, Tiểu khu B xã Y, huyện E; loại rừng: Rừng gỗ tự nhiên núi đất lá rộng rụng lá chưa có trữ lượng; mục đích sử dụng là **Rừng sản xuất**; Chủ quản lý là UBND xã Y, huyện E, tỉnh Đắk Lắk; tổng số lượng cây và gốc cây bị cắt hạ là 365 gốc cây và 132 lóng gỗ tròn; tổng trữ lượng thiệt hại 17,013 m³/365 cây; tổng khối lượng thiệt hại 4,009 m³/132 lóng gỗ tròn; thiệt hại về rừng giá trị 18.565.000 đồng.

- Các bị cáo Vi Văn H9, Đỗ Quang G2 cùng tham gia thực hiện hành vi hủy hoại rừng với tổng diện tích **41.807,5m²**; vị trí: thuộc các Lô 16, 17, 28, 29, 29a6, 44, 45, 45a, 45a16, 46, 53, 54a, 55a, 55b, K, Tiểu khu B xã Y, huyện E; tổng số lượng cây và gốc cây bị cắt hạ là 536 cây và 243 lóng gỗ tròn; tổng trữ lượng thiệt hại 24,543m³; tổng khối lượng thiệt hại 6,035m³/243 lóng gỗ tròn; chủng loại gồm: C, Giáng H17, C, B, D4, T20, C, G5, N6, Thầu T19, B2, M, G3 thuộc các Nhóm gỗ: Nhóm I, IIa, III, V, VI, VII, VIII; loại rừng: Rừng gỗ tự nhiên núi đất lá rộng rụng lá chưa có trữ lượng; mục đích sử dụng là Rừng sản xuất; Chủ quản lý là UBND xã Y, huyện E, tỉnh Đắk Lắk; thiệt hại về rừng giá trị 26.781.000 đồng.

- Các bị cáo Lương Văn Q, Lê Văn Ú, Trương Văn S, Lương Văn Q1, Hà Văn P1, Hà Văn Q2, Hà Phúc H3, Lang Văn N2, Lương Văn B1, Vi Hồng Đ3, Hà Văn V1, Lang Văn Đ1, Hà Minh T7, Lương Văn T9 tham gia thực hiện hành vi hủy hoại rừng với diện tích **52.622 m²**; thuộc các Lô 44a, 53, 45, 34, 51, 46, 43a, 44, 52, 65, 46a, 76, 43, K, Tiểu khu B xã Y, huyện E; loại rừng: Rừng gỗ tự nhiên núi đất lá rộng rụng lá chưa có trữ lượng; mục đích sử dụng là **Rừng sản xuất**; Chủ quản lý là UBND xã Y, huyện E, tỉnh Đắk Lắk; tổng số lượng 505 gốc cây và 212 lóng gỗ tròn; tổng trữ lượng thiệt hại 16,096m³/5,262 hecta; tổng khối lượng thiệt hại 7,621m³/212 lóng gỗ tròn; thiệt hại về rừng giá trị 19.740.000 đồng.

Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm kết án Vi Văn Đ2, Lương Văn H7, Hà Ngọc D2, Vi Văn H9, Đỗ Quang G2 về tội “*Hủy hoại rừng*” với tình tiết tăng nặng định khung hình phạt “*Rừng sản xuất có diện tích từ 10.000 mét vuông (m²) đến dưới 50.000 mét vuông (m²)*” theo điểm đ khoản 2 Điều 243 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Các bị cáo Lương Văn Q, Lê Văn Ú, Trương Văn S, Lương Văn Q1, Hà Văn P1, Hà Văn Q2, Hà Phúc H3, Lang Văn N2, Lương Văn B1, Vi Hồng Đ3, Hà Văn V1, Lang Văn Đ1, Hà Minh T7, Lương Văn T9 về tội “hủy hoại rừng” với tình tiết tăng nặng định khung hình phạt “*Rừng sản xuất có diện tích từ 50.000 mét vuông (m²) trở lên*” theo điểm b khoản 3 Điều 243 của Bộ luật Hình sự năm 2015 là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2.2]. Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt:

Hành vi hủy hoại rừng của các bị cáo là rất nghiêm trọng, gây ảnh hưởng xấu đến môi trường sinh thái của tự nhiên, đã trực tiếp xâm phạm đến quy định của nhà nước về quản lý và bảo vệ rừng, đồng thời gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an của xã hội nói chung và địa bàn tỉnh Đắk Lắk nói riêng. Trong khi Đảng, Nhà nước có chủ trương, chính sách tăng cường công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng, nhất là trong tình hình hiện nay diện tích rừng ngày càng bị thu hẹp. Do đó cần xử phạt các bị cáo mức hình phạt đủ nghiêm khắc mới đảm bảo được tính răn đe, cải tạo giáo dục và phòng ngừa chung. Tuy nhiên, trong vụ án này, có nhiều bị cáo phạm tội với tính chất, mức độ hành vi và vai trò tham gia là khác nhau, nên cần phân tích, đánh giá để cá thể hóa trách nhiệm hình sự, quyết định hình phạt cho phù hợp.

[2.2.1]. Đối với nhóm các bị cáo Lương Văn Q, Lê Văn Ú, Trương Văn S, Lương Văn Q1, Hà Văn P1, Hà Văn Q2, Hà Phúc H3, Lang Văn N2, Lương Văn B1, Vi Hồng Đ3, Hà Văn V1, Lang Văn Đ1, Hà Minh T7, Trương Văn T18, Lương Văn T9 cùng nhau tham gia hủy hoại rừng với diện tích 52.622 m² thuộc các Lô 44a, 53, 45, 34, 51, 46, 43a, 44, 52, 65, 46a, 76, 43, K, Tiểu khu B xã Y, huyện E; loại rừng: Rừng gỗ tự nhiên núi đất lá rộng rụng lá chưa có trữ lượng; mục đích sử dụng là Rừng sản xuất; Chủ quản lý là UBND xã Y, huyện E, tỉnh Đắk Lắk; tổng số lượng 505 gốc cây và 212 lóng gỗ tròn; tổng trữ lượng thiệt hại 16,096m³/5,262 hecta; tổng khối lượng thiệt hại 7,621m³/212 lóng gỗ tròn; chủng loại gồm: C, C, D4, N6, C, B, Thầu Tầu thuộc các Nhóm gỗ: Nhóm I, III, V, VI, VII, VIII; thiệt hại về rừng 19.740.000 đồng.

Trong đó, Lương Văn Q là người khởi xướng, rủ rê các bị cáo khác tham gia hủy hoại rừng và thực hiện hành vi dùng dao chặt các cây nhỏ. Do đó, mức hình phạt đối với Q nghiêm khắc và cao hơn các bị cáo khác. Đối với các bị cáo Trương Văn S, Lang Văn Đ1 và Hà Phúc H3 tham gia với vai trò thực hành tích cực (thay nhau sử dụng cưa xăng cưa hạ các cây lớn trong 02 buổi tối). Nên mức hình phạt đối với Trương Văn S, Lang Văn Đ1, Hà Phúc H3 thấp hơn bị cáo Lương Văn Q nhưng vẫn đảm bảo nghiêm minh.

Đối với các bị cáo Hà Văn P1, Lương Văn B1, Lương Văn Q1 và Hà Minh T7 tham gia cưa hạ các cây lớn trong 01 buổi tối. Trong đó, các bị cáo Lương Văn B1, Hà Văn P1 là người chuẩn bị công cụ, phương tiện là cưa xăng để cưa hạ cây rừng. Nên mức hình phạt đối với các bị cáo thấp hơn các bị cáo khác trong cùng nhóm.

Đối với bị cáo Hà Văn Q2 sử dụng dao để chặt hạ các cây rừng trong khoảng diện tích 03ha, bị cáo Lê Văn Ú sử dụng dao để chặt hạ các cây nhỏ trong 01 buổi tối nên cần xem xét áp dụng mức hình phạt phù hợp.

Đối với bị cáo Lương Văn T9 là người tham gia với vai trò mang theo can xăng, can nhót, nước uống để phục vụ các bị cáo khác trong việc cưa hạ cây rừng trong hai buổi tối; các bị cáo Lang Văn N2, Vi Hồng Đ3, Hà Văn V1 làm nhiệm vụ cảnh giới cho các bị cáo khác trong việc cưa hạ cây rừng. Các bị cáo Lương Văn T9, Lang Văn N2, Vi Hồng Đ3, Hà Văn V1 tham gia với vai trò

giúp sức nên cần áp dụng mức hình phạt thấp hơn các bị cáo Hà Văn Q2, Lê Văn Ú.

[2.2.2]. Đối với nhóm bị cáo Vi Văn H9 và Đỗ Quang G2 cùng tham gia hủy hoại rừng vào 02 ngày đầu là 8.499 m², bị cáo G2 còn là người thuê Hứa Văn L3 cùng tham gia cưa hạ thêm 01 ngày với diện tích rừng bị hủy hoại 33.308,5 m². Tổng diện tích rừng bị hủy hoại với diện tích 41.807,5m²; vị trí: thuộc các Lô 16, 17, 28, 29, 29a6, 44, 45, 45a, 45a16, 46, 53, 54a, 55a, 55b, K, Tiểu khu B xã Y, huyện E; tổng số lượng cây và gốc cây bị cắt hạ là 536 cây và 243 lóng gỗ tròn; tổng trữ lượng thiệt hại 24,543m³; tổng khối lượng thiệt hại 6,035m³/243 lóng gỗ tròn; chủng loại gồm: C, Giáng H17, C, B, D4, T20, C, G5, N6, Thầu T19, B2, Mã tiền, G3 thuộc các Nhóm gỗ: Nhóm I, IIa, III, V, VI, VII, VIII; loại rừng: Rừng gỗ tự nhiên núi đất lá rộng rụng lá chưa có trữ lượng; mục đích sử dụng là Rừng sản xuất; Chủ quản lý là UBND xã Y, huyện E, tỉnh Đắk Lắk; thiệt hại về rừng 26.781.000 đồng. Do vậy, cần áp dụng mức hình phạt đối với bị cáo G2 cao hơn bị cáo H9.

[2.2.3]. Đối với nhóm bị cáo Vi Văn Đ2, Hà Ngọc D2 và Lương Văn H7 cùng tham gia hủy hoại rừng với diện tích 18.924m²; thuộc các Lô 85b1, 88, Khoảnh 2 và các Lô 6, 23, Khoảnh 4, Tiểu khu B xã Y, huyện E; tổng số lượng cây và gốc cây bị cắt hạ là 365 gốc cây và 132 lóng gỗ tròn; tổng trữ lượng thiệt hại 17,013m³/365 cây; tổng khối lượng thiệt hại 4,009m³/132 lóng gỗ tròn; chủng loại gồm: C, C, C, M, N6, Thầu T19, B, C, D4 thuộc các Nhóm gỗ: Nhóm I, III, V, VI, VII, VIII, thiệt hại về rừng là 18.565.000 đồng. Trong đó, bị cáo Vi Văn Đ2 là người khởi xướng, rủ rê Hà Ngọc D2 và Lương Văn H7 tham gia cưa cây rừng; bị cáo Hà Ngọc D2 tham gia vai trò thực hành tích cực, Lương Văn H7 là người đi đoid công cho bị cáo Vi Văn Đ2 nên mức hình phạt của bị cáo Vi Văn Đ2 cao hơn các bị cáo Hà Ngọc D2 và Lương Văn H7.

Trong quá trình giải quyết vụ án, các bị cáo đều đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình và tự nguyện nộp bồi thường toàn bộ thiệt hại, khắc phục hậu quả do hành vi phạm tội gây ra; các bị cáo đều là người dân tộc thiểu số (trừ bị cáo Đỗ Quang G2) sinh sống tại vùng kinh tế đặc biệt khó khăn; các bị cáo Lang Văn Đ1 và Lương Văn Q thuộc hộ cận nghèo; các bị cáo Lương Văn B1, Lương Văn T9, Vi Hồng Đ3, Hà Văn V1, Hà Phúc H3, Lê Văn Ú, Vi Văn Đ2, Đỗ Quang G2 thuộc hộ nghèo. Các bị cáo Hà Minh T7, Đỗ Quang G2, Lương Văn Q1, Vi Hồng Đ3, Lương Văn T9 từng tham gia nghĩa vụ quân sự, bị cáo Lương Văn Q tham gia Công an viên xã Y Một, bị cáo Vi Văn Đ2 tham gia lực lượng Công an viên thôn. Ngoài ra, các bị cáo Lương Văn Q, Lương Văn Q1 có thành tích trong công tác và được tặng “Giấy khen”. Bị cáo Vi Văn H19, Vi Văn Đ2, Vi Hồng Đ3 có thân nhân là người có công với cách mạng. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự cho tất cả các bị cáo là đúng và đầy đủ. Các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Giá trị thiệt hại về rừng là không lớn nên Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng thêm

khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự cho các bị cáo (trừ bị cáo Đỗ Quang G2) để xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo.

Sau khi đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân cũng như các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt Lương Văn Q 06 năm tù; Trương Văn S, Lang Văn Đ1, Hà Phúc H3 mỗi bị cáo 05 năm tù; Lương Văn B1, Hà Văn P1, mỗi bị cáo 04 năm 06 tháng tù; Lương Văn Q1, Hà Minh T7, Hà Văn Q2, mỗi bị cáo 04 năm tù; Lê Văn Ú 03 năm 06 tháng tù; Lương Văn T9 03 năm tù; Vi Văn Đ2 02 năm 06 tháng tù; Hà Ngọc D2 02 năm 03 tháng tù; Lương Văn H7 02 năm tù cùng về tội “Hủy hoại rừng” là đã xem xét cho các bị cáo, các mức án nêu trên đều ở dưới mức thấp nhất của khung hình phạt, không nặng nên không có căn cứ xét giảm án; đồng thời, hành vi phạm tội của các bị cáo ảnh hưởng xấu đến công tác đấu tranh phòng chống tội phạm về môi trường tại địa phương nên các bị cáo không đủ điều kiện hưởng án treo theo quy định tại Điều 65 của Bộ luật Hình sự.

Trong thời hạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm, các bị cáo Vi Hồng Đ3, Lương Văn Q1, Lương Văn B1, Lê Văn Ú, Hà Văn V1, Hà Phúc H3, Lương Văn T9, Lương Văn Q, Hà Văn P1, Trương Văn S, Hà Minh T7, Hà Văn Q2, Lang Văn N2 cung cấp Đơn xin giảm nhẹ hình phạt, Đơn trình bày hoàn cảnh gia đình khó khăn có xác nhận của chính quyền địa phương. Hội đồng xét xử thấy, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét tình tiết các bị cáo là người dân tộc thiểu số, hoàn cảnh gia đình khó khăn khi quyết định hình phạt nên đây không phải là tình tiết mới để xét giảm án.

Đối với bị cáo Đỗ Quang G2 nộp thêm Đơn xin giảm án tha tù, xin hưởng án treo, Đơn xin chấp hành án tại cộng đồng có nội dung trình bày hoàn cảnh gia đình khó khăn. Bản thân tích cực vận động quần chúng nhân dân tại địa phương giao nộp vũ khí cho cơ quan có thẩm quyền, được Chủ tịch UBND xã Y Mốt tặng Giấy khen vì có thành tích xuất sắc trong công tác xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc năm 2023. Tuy đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới nhưng so với các bị cáo khác thì thấy trước khi phạm tội bị cáo có thời gian phục vụ trong quân ngũ, đã được giáo dục, tuyên truyền về chủ trương, chính sách của Nhà nước, quy định của pháp luật về công tác bảo vệ, phát triển rừng. Lẽ ra, bị cáo phải có trách nhiệm phổ biến, tuyên truyền cho người khác không xâm phạm tài nguyên rừng. Nhưng bị cáo lại cùng với Vi Văn H9 tích cực dùng cưa xăng cưa hạ cây rừng, và thuê Hứa Văn L3 cùng nhau hủy hoại rừng với diện tích 41.807,5m². Do đó, tình tiết giảm nhẹ này là không đáng kể so với mức độ trách nhiệm hình sự mà bị cáo phải chịu, Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo 03 năm tù là mức khởi điểm của khung hình phạt, tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội. Do đó, Hội đồng xét xử xét không chấp nhận kháng cáo xin giảm hình phạt và hưởng án treo của bị cáo.

[3]. Về án phí hình sự phúc thẩm:

Do kháng cáo không được chấp nhận, nên 19 bị cáo có kháng cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm tuy nhiên các bị cáo được miễn (theo quy định tại

điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 6 Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án).

[4]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị, Hội đồng xét xử phúc thẩm không xét.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Lương Văn Q, Vi Văn H9, Hà Minh T7, Hà Văn P1, Hà Phúc H3, Hà Văn Q2, Vi Văn Đ2, Hà Ngọc D2, Lương Văn Q1, Lương Văn T9, Lang Văn Đ1, Trương Văn S, Vi Hồng Đ3, Hà Văn V1, Lê Văn Ú, Lang Văn N2, Lương Văn H7, Đỗ Quang G2, Lương Văn B1, giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 65/2023/HS-ST ngày 20/7/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

1.1. Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 243; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự.

+ Xử phạt bị cáo Lương Văn Q **06 (sáu)** năm tù về tội “Hủy hoại rừng”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được khấu trừ thời hạn tạm giam từ ngày 21/5/2022 đến ngày 17/3/2023.

+ Xử phạt bị cáo Trương Văn S **05 (năm)** năm tù về tội “Hủy hoại rừng”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được khấu trừ thời hạn tạm giam từ ngày 21/5/2022 đến ngày 17/3/2023.

+ Xử phạt bị cáo Lang Văn Đ1 **05 (năm)** năm tù về tội “Hủy hoại rừng”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được khấu trừ thời hạn tạm giam từ ngày 21/5/2022 đến ngày 17/3/2023.

+ Xử phạt bị cáo Hà Phúc H3 **05 (năm)** năm tù về tội “Hủy hoại rừng”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được khấu trừ thời hạn tạm giam từ ngày 21/5/2022 đến ngày 17/3/2023.

+ Xử phạt bị cáo Lương Văn B1 **04 năm 06 tháng tù** về tội “Hủy hoại rừng”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được khấu trừ thời hạn tạm giam từ ngày 21/5/2022 đến ngày 17/3/2023.

+ Xử phạt bị cáo Hà Văn P1 **04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng** tù về tội “Hủy hoại rừng”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được khấu trừ thời hạn tạm giam từ ngày 21/5/2022 đến ngày 17/3/2023.

+ Xử phạt bị cáo Lương Văn Q1 **04 (bốn) năm** tù về tội “Hủy hoại rừng”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được khấu trừ thời hạn tạm giam từ ngày 21/5/2022 đến ngày 17/3/2023.

+ Xử phạt bị cáo Hà Minh T7 **04 (bốn)** năm tù về tội “Hủy hoại rừng”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được khấu trừ thời hạn tạm giam từ ngày 21/5/2022 đến ngày 17/3/2023.

+ Xử phạt bị cáo Hà Văn Q2 **04 (bốn)** năm tù về tội “Hủy hoại rừng”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được khấu trừ thời hạn tạm giam từ ngày 21/5/2022 đến ngày 17/3/2023.

+ Xử phạt bị cáo Lê Văn Ú **03 (ba)** năm **06 (sáu)** tháng tù về tội “Hủy hoại rừng”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được khấu trừ thời hạn tạm giam từ ngày 21/5/2022 đến ngày 17/3/2023.

+ Xử phạt bị cáo Hà Văn V1 **03 (ba)** năm **03 (ba)** tháng tù về tội “Hủy hoại rừng”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được khấu trừ thời hạn tạm giam từ ngày 21/5/2022 đến ngày 17/3/2023.

+ Xử phạt bị cáo Vi Hồng Đ3 **03 (ba)** năm **03 (ba)** tháng tù về tội “Hủy hoại rừng”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được khấu trừ thời hạn tạm giam từ ngày 21/5/2022 đến ngày 17/3/2023.

+ Xử phạt bị cáo Lang Văn N2 **03 (ba)** năm **03 (ba)** tháng tù về tội “Hủy hoại rừng”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được khấu trừ thời hạn tạm giam từ ngày 21/5/2022 đến ngày 17/3/2023.

+ Xử phạt bị cáo Lương Văn T9 **03 (ba)** năm tù về tội “Hủy hoại rừng”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được khấu trừ thời hạn tạm giam từ ngày 21/5/2022 đến ngày 17/3/2023.

1.2. Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 243; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

+ Xử phạt bị cáo Đỗ Quang G2 **03 (ba)** năm tù về tội “Hủy hoại rừng”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được khấu trừ thời hạn tạm giam từ ngày 21/5/2022 đến ngày 17/10/2022.

1.3. Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 243; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự.

+ Xử phạt bị cáo Vi Văn H9 **02 (hai)** năm **06 (sáu)** tháng tù về tội “Hủy hoại rừng”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được khấu trừ thời hạn tạm giam từ ngày 21/5/2022 đến ngày 17/10/2022.

1.4. Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 243; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự.

+ Xử phạt bị cáo Vi Văn Đ2 **02 (hai)** năm **06 (sáu)** tháng tù về tội “Hủy hoại rừng”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được khấu trừ thời hạn tạm giam từ ngày 21/5/2022 đến ngày 17/10/2022.

+ Xử phạt bị cáo Hà Ngọc D2 **02 (hai)** năm **03 (ba)** tháng tù về tội “Hủy hoại rừng”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được khấu trừ thời hạn tạm giam từ ngày 21/5/2022 đến ngày 17/10/2022.

+ Xử phạt bị cáo Lương Văn H7 **02 (hai)** năm tù về tội “Hủy hoại rừng”.
Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được khấu trừ thời hạn tạm giam từ ngày 21/5/2022 đến ngày 17/10/2022.

2. Về án phí hình sự phúc thẩm: Căn cứ Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Các bị cáo Lương Văn Q, Vi Văn H9, Hà Minh T7, Hà Văn P1, Hà Phúc H3, Hà Văn Q2, Vi Văn Đ2, Hà Ngọc D2, Lương Văn Q1, Lương Văn T9, Lang Văn Đ1, Trương Văn S, Vi Hồng Đ3, Hà Văn V1, Lê Văn Ú, Lang Văn N2, Lương Văn H7, Đỗ Quang G2, Lương Văn B1 được miễn án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không bị kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao – Vụ GDKT I;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- Cục THADS tỉnh Đắk Lắk;
- Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Phòng HSNV - Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Cơ quan CSTHAHS - CA tỉnh Đắk Lắk;
- Người tham gia tố tụng (theo địa chỉ);
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Chí Công